

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN THUY
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THUY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị A, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Thôn 5 Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1980; nơi đăng ký HKTT: Thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn 5 Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 3 năm 2020 và bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn chị Đồng Thị A trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, được hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 13

tháng 8 năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ được khoảng hơn 01 năm thì chuyển về sinh sống tại thôn 5 Đ1, xã Đ, huyện K từ cuối năm 2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2008 đầu năm 2009 do bất đồng lối sống, phong cách sống, anh Đ nhiều lần uống rượu say về gây sự, đánh chị và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh Đ sống không tôn trọng và không có trách nhiệm với vợ con, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 3 năm 2018 đến nay, anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 03 chung là Hoàng Công B, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2001; Hoàng Hương G, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2006 và Hoàng Ngọc Khánh L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2013. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu Khánh L vì chị có chỗ ở riêng, có thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000 đồng trở lên, công việc và thu nhập ổn định hơn anh Đ, cháu Khánh L có đơn xin được ở với chị khi bố mẹ ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu B đã thành niên, đủ khả năng lao động để tự nuôi mình và cháu G chết năm 2009 nên chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 5 năm 2020, anh Đ trình bày: Anh thừa nhận về thời gian vợ chồng về chung sống, thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống phù hợp với lời trình bày của chị A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Anh đi làm về mệt, có cùng bạn bè uống bia, rượu nên chị A hay có lời lẽ thiếu tôn trọng. Mặt khác, chị A luôn nghi ngờ anh không chung thủy với chị dẫn đến tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị A xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị A nhưng không ký biên bản lấy lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về con chung: Anh và chị A có 03 con là Hoàng Công B, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2001; Hoàng Hương G, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2006 và Hoàng Ngọc Khánh L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2013. Cháu B đã thành niên đủ khả năng lao động để tự nuôi mình và cháu G đã chết năm 2009 nên anh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L, anh đồng ý để chị A nuôi đến khi con đủ 18 tuổi vì chị có điều kiện về thời gian, thu nhập ổn định để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt

hơn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị A: Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ tại gia đình chị A, thôn 5 Đ1 và Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã T về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và các vấn đề khác giữa chị A và anh Đ; sau khi tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung: Chị trình bày, khẳng định đang mang thai 01 con chung nữa với anh Đ, không yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm với chị trong việc đóng góp tiền chăm sóc thai, sinh con, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau này và nhận nuôi cháu Khánh L đến khi con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng. Về tài sản chung và công nợ chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và bản tự khai đã nộp đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ly hôn với anh Đ, nơi đăng ký HKTT: Thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn 5 Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Anh Hoàng Văn Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập

hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Đ lấy nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2001. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Anh Đ không chung thủy với chị A. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hai người tuy sống cùng nhà nhưng từ cuối năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị A xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đồng Thị A được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

3. Về con chung: Anh chị có 03 con là Hoàng Công B, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2001; Hoàng Hương G, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2006 và Hoàng Ngọc Khánh L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2013. Cháu B đã thành niên đủ khả năng lao động để tự nuôi mình nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Cháu Hoàng Hương G đã chết năm 2009 nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Chị A có nguyện vọng nuôi 01 con chung đang mang thai với anh Đ và cháu Khánh L đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị hàng tháng. Anh Đ đồng ý để chị A nuôi cháu Khánh L, cháu Khánh L có đơn xin được ở với chị A khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử giao con do chị đang mang thai và cháu Khánh L cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Theo lời trình bày và yêu cầu của chị A. Tòa án đã xác minh và tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; thông báo kết quả phiên họp; thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho ông Trần Văn K1 là trưởng thôn 5 Đ1 nhận thay để giao lại cho anh Đ. Anh Đ đã biết,

cung cấp lời khai về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và các vấn đề có liên quan khác giữa anh và chị A nhưng không ký vào biên bản lấy lời khai của đương sự, không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Văn K1 nhận thay để giao lại cho anh Đ. Anh Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Anh Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Đ kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K ngày 13 tháng 8 năm 2001. Như vậy hôn nhân giữa chị A và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2008 và trầm trọng vào năm 2013, do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Anh Đ thường xuyên uống bia rượu, sống không có trách nhiệm với vợ, con. Dẫn đến, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi cọ, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo anh nhưng không đạt được kết quả gì. Thực tế anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng từ cuối năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị A xin ly hôn, qua xác minh, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn 5 Đ1, Ủy ban nhân dân xã Đ và gia đình chị A đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2008 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị A xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Nên xử cho chị A được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con là Hoàng Công B, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2001; Hoàng Hương G, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2006 và Hoàng Ngọc Khánh L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2013 và 01 con chị đang mang thai. Khi ly hôn, chị A nhận tiếp tục nuôi dưỡng con do chị đang mang thai và cháu Khánh L cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị A có chỗ ở ổn định, đang làm buôn bán tự do, thu nhập B quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng trở lên, đủ khả năng nuôi dưỡng con đang mang thai và cháu Khánh L. Mặt khác, anh Đ cũng đồng ý giao cháu Khánh L cho chị A nuôi. Xét việc nhận nuôi con của chị A phù hợp với đề nghị của chính quyền địa phương xã Đ, nguyện vọng của cháu Khánh L, anh Đ và đại diện gia đình hai bên. Do đó, cần giao con do chị A đang mang thai và cháu Khánh L cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên Tòa án không đặt ra xem xét. Cháu B đã thành niên đủ sức khỏe,

tinh thần và khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Cháu Hoàng Hương G đã chết năm 2009 nên Tòa án cũng không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị A được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con do chị A đang mang thai và cháu Hoàng Ngọc Khánh L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2013 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A và anh Đ thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị A phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số AA.0008863 ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị A đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THA DS huyện K, HP;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

